



UBND PHƯỜNG THANH KHÊ
TRƯỜNG MẦM NON HẢI ĐƯỜNG

BẢNG KÊ CHI TIẾT THỰC ĐƠN TIỀN CHỢ

Ngày 13 tháng 10 năm 2026

1/ THỰC ĐƠN : MẪU GIÁO - NHÀ TRẺ

+ **Bữa sáng:** Miến Phú Hương thịt bò

+ **Bữa trưa:**

- Món mặn: Cơm thập cẩm
- Món canh: Tôm rau cải xanh
- Món xào: Dưa leo
- Phụ trưa: Sữa chua Yakult

+ **Bữa chiều:**

- Ăn xế: Bánh canh cá lóc

2/ TÍNH TIỀN ĂN TRONG NGÀY

Định mức chi tiền ăn trong ngày		Số suất ăn trong ngày		Thực chi	Chênh lệch cuối ngày (thừa/ thiếu)
		Nhà trẻ	Mẫu giáo	Thực phẩm	
- Ăn sáng: (10.000đ/ cháu/ ngày)	4,290,000	115	314	4,197,500	92,500
- Ăn chính, ăn xế: (26.000đ/ cháu/ ngày)	11,154,000	115	314	11,246,500	(92,500)
Tổng tiền chợ:	15,444,000			15,444,000	-
Tổng số học sinh đi học:	429				
XUẤT KHO : Sữa bột DD Ellac Family	16.56				
+ Sữa sáng: (5.000đ/ cháu/buổi)	7.53				
+ Sữa chiều: (6.000đ/cháu/buổi)	9.03				

3/ Chi tiết thực đơn tiền ăn trong ngày:

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đ)	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
I	Ăn sáng				4,197,500	
1	Dầu Neptune 1L (12 chai/thùng)	Chai	1.00	82,000	82,000	
2	Đường phèn	kg	0.50	38,000	19,000	
3	Hành tỏi	kg	0.30	60,000	18,000	
4	Hành lá	kg	0.60	50,000	30,000	
5	Hạt nêm Knorr 400g (16 gói/thùng)	Gói	0.50	43,000	21,500	
6	Miến Phú Hương 210gr (10 gói/thùng)	Gói	32.00	41,000	1,312,000	
7	Muối iốt 500g (0.5kg/gói; 100 gói/bao)	Gói	1.00	4,000	4,000	
8	Mắm Nam Ngư Độ Nhị 800ml (18 chai/thùng)	Chai	1.00	23,000	23,000	
9	Thịt bò đùi	kg	9.80	270,000	2,646,000	
10	Viên bún bò (12 hộp/lóc, 144 hộp/thùng)	Viên	6.00	7,000	42,000	
II	Ăn chính + phụ				11,246,500	
1	Bắp hạt tươi	kg	4.00	65,000	260,000	
2	Bột gạo sợi cắt 1 phân	kg	15.00	28,000	420,000	
3	Cá lóc phi lê	kg	9.80	210,000	2,058,000	
4	Cà rốt Hà Nội sơ chế	kg	4.00	32,000	128,000	

5	Chả bò đòn	kg	6.00	220,000	1,320,000	
6	Nén hột	kg	0.30	160,000	48,000	
7	Dấm Lisa 400ml (20 chai/thùng)	Chai	2.00	19,000	38,000	
8	Dầu Neptune 1L (12 chai/thùng)	Chai	3.00	82,000	246,000	
9	Đậu cove	kg	4.00	38,000	152,000	
10	Dầu hào Maggi 350gr (24 chai/thùng, 12chai /thùngk)	Chai	3.00	32,000	96,000	
11	Dưa leo	kg	7.00	30,000	210,000	
12	Đường phèn	kg	0.50	38,000	19,000	
13	Đường vàng An Khê (1kg/gói; 20 gói/bao)	Gói	1.00	39,000	39,000	
14	Gạo bồ câu (cò may)	kg	24.00	21,000	504,000	
15	Hành tỏi	kg	0.30	60,000	18,000	
16	Hạt nêm Knorr 400g (16 gói/thùng)	Gói	1.50	43,000	64,500	
17	Khoai tây Hà Nội sơ chế	kg	4.00	32,000	128,000	
18	Muối sống (hạt) (50kg/bao)	kg	1.00	6,000	6,000	
19	Muối iốt 500g (0.5kg/gói; 100 gói/bao)	Gói	1.00	4,000	4,000	
20	Mắm Nam Ngư Độ Nhị 800ml (18 chai/thùng)	Chai	1.00	23,000	23,000	
21	Rau cải xanh	kg	9.00	42,000	378,000	
22	Sữa chua uống lên men yakult (50 chai/thùng)	Chai	430.00	5,200	2,236,000	
23	Thịt nạc vai	kg	6.00	140,000	840,000	
24	Tôm loại 1	kg	7.10	230,000	1,633,000	
25	Trứng gà (quả)	Quả	85.00	3,600	306,000	
26	Xi dầu Maggi 300ml (24 chai/thùng)	Chai	4.00	18,000	72,000	
TỔNG CỘNG					15,444,000	

Bảng chữ: Mười lăm triệu bốn trăm bốn mươi bốn ngàn đồng./.

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

PHỤ TRÁCH BÁN TRÚ

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Liên

Nguyễn Thị Thu Dung

Nguyễn Thị Nga

Nguyễn Thị Minh Hải

